

# XÂY DỰNG XÃ HỘI DÂN SỰ Ở VIỆT NAM NHÌN TỪ KINH NGHIỆM CHÂU ÂU

ĐINH CÔNG HOÀNG<sup>(\*)</sup>

*Xét về những điều kiện lịch sử thì xã hội dân sự (XHDS) được coi là một thành quả của sự phát triển. Vì vậy, trong những năm gần đây, vấn đề XHDS được biết đến như một nhu cầu có sức thu hút trong việc nghiên cứu, tìm hiểu và tìm phương thức xây dựng ở nhiều quốc gia trên thế giới. Ở châu Âu, XHDS thường đi tiên phong khi tham gia giải quyết các vấn đề về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, liên quan đến các vấn đề về giới, môi trường, nợ quốc tế, phòng chống HIV, gợi mở tranh luận chính sách toàn cầu, phản biện xã hội, bảo vệ các nhóm yếu thế trong xã hội, xây dựng vốn xã hội, tham gia quản trị kinh tế - xã hội, tạo lập các quỹ, nâng cao nhận thức và tạo nguồn lực xã hội, thúc đẩy dân chủ, minh bạch hoá các hoạt động xã hội... XHDS, do vậy, cũng đang là đề tài thu hút sự chú ý đặc biệt của giới nghiên cứu và các nhà hoạt động xã hội Việt Nam hiện nay. Bài viết giới thiệu khái quát khung lý thuyết của châu Âu về XHDS; trên cơ sở đó tác giả trình bày một số vấn đề nổi lên trong xây dựng XHDS ở Việt Nam và nêu một số kiến nghị.*

## I. Khung lý thuyết của châu Âu về xã hội dân sự

Khái niệm tiếng Anh “civil society” được dịch ra tiếng Việt là “xã hội dân sự”. Ở Việt Nam liên quan đến khái niệm “xã hội dân sự” còn có thuật ngữ “xã hội công dân”, “xã hội thị dân”. “Xã hội công dân” nguyên nghĩa tiếng Anh là “citizen society”. Thuật ngữ “xã hội công dân” có xuất xứ từ các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Marx. Trong các tác phẩm của K. Marx và F. Engels, thuật ngữ “Die burger liche Gesellschaft” tiếng Đức, được miêu tả là “xã hội công dân” và có chỗ là “xã hội thị dân”.

Trong các tác phẩm của các nhà tư tưởng triết học và chính trị khác, có nhiều bàn luận về khái niệm và nội

hàm của XHDS. Chẳng hạn, nhà triết học cổ đại Aristote cho rằng, XHDS được tổ chức qua quan hệ của những người bạn bè cùng chung tư tưởng, qua đó họ khám phá và biểu hiện bằng các hoạt động vì lợi ích chung, và vì đời sống công cộng, bên ngoài nhà nước (9).

T. Hobbes<sup>(\*\*)</sup> cho rằng, XHDS là sự sáng tạo có mục đích, nhằm đảm bảo sinh tồn các giá trị như: công lí, đạo đức, nghệ thuật và văn hoá mà không bị phụ thuộc vào nhà nước, qua đó cho phép

---

<sup>(\*)</sup> Viện Nghiên cứu châu Âu.

<sup>(\*\*)</sup> Thomas Hobbes (1588-1679), nhà triết học Anh, tác giả “Léviathan”.

mọi người tham gia phát triển kinh doanh trong hoà bình và an toàn.

Với J. Locke<sup>(\*)</sup>,XHDS có hàm ý về khả năng của con người sống trong điều kiện tự do hoạt động chính trị và hoạt động kinh tế. XHDS được hình thành từ sở hữu, sản xuất và tích lũy, nó đòi hỏi phải có nhà nước pháp quyền để đảm bảo trật tự và bảo vệ tự do.

Theo E. Kant<sup>(\*\*)</sup>, XHDS là một lĩnh vực phải được bảo vệ để giúp mọi người tự quyết định trong điều kiện tự do.

F. Hegel<sup>(\*\*\*)</sup> đã chỉ ra vị trí của lĩnh vực XHDS, theo ông, XHDS được duy trì bởi “con người kinh tế” - đó là lĩnh vực của hành động đạo đức, là mạng lưới quan hệ xã hội, nằm giữa gia đình và nhà nước, gắn kết những cá nhân tự chủ với nhau, thông qua môi trường trung gian là tự do đạo đức.

F. Hegel còn bày tỏ mối e ngại về năng lực tự tổ chức và tự điều tiết của XHDS và nhấn mạnh vai trò nhà nước điều tiết đối với XHDS. Ông cho rằng, Nhà nước và XHDS phụ thuộc lẫn nhau, song mối quan hệ này là đầy căng thẳng và đòi hỏi có luật cân bằng quan hệ.

Một số nhà tư tưởng khác như Montesquieu<sup>(\*\*\*\*)</sup>, Voltaire<sup>(\*\*\*\*\*)</sup>,... đều đã nhấn mạnh vai trò của nhà nước đối với XHDS, theo đó nhà nước pháp quyền là

bản chất của mối quan hệ Nhà nước-Xã hội và quan hệ Xã hội- Thị trường.

Còn theo quan điểm của K. Marx, “XHDS là lĩnh vực được cấu thành bởi sản xuất, giai cấp và các quan hệ chính trị xã hội liên quan: quan tâm của XHDS là làm thế nào để lĩnh vực cạnh tranh hỗn độn trở thành đối tượng của giám sát công cộng” (1, tr. 4).

Theo J. Rousseau<sup>(\*)</sup>, XHDS được hiểu là cộng đồng mà sự đoàn kết của nó sẽ dung hoà giữa tính chủ quan của các lợi ích cá nhân với tính khách quan của hoạt động công cộng.

Alexander De Tocqueville<sup>(\*\*)</sup> lại chú ý và nhấn mạnh những mặt trái của XHDS như tính địa phương chủ nghĩa và các chuẩn mực liên kết tự nguyện, không chính thức; những mặt trái này có thể sẽ hạn chế khả năng của nhà nước dân chủ, hạn chế khả năng đạt tới sự bình đẳng kinh tế và tự do chính trị.

Có thể nói, khái niệm XHDS xuất hiện chủ yếu là sản phẩm trí tuệ của châu Âu thế kỉ XVIII, khi các công dân tìm kiếm cách thức để xác định vị trí của bản thân trong xã hội, độc lập với nhà nước quân chủ, và ở vào giai đoạn khi mà nền tảng của một trật tự xã hội dựa trên vị thế, bắt đầu bị lung lay, suy giảm và theo chiều hướng không thể đảo ngược. Một số nhà tư tưởng về XHDS đã lên tiếng ủng hộ xu thế phát triển này (6, 7, 8).

Theo đó, các nhà tư tưởng đã bàn luận về các đặc điểm, chiều cạnh, mối quan hệ giữa XHDS- Nhà nước- Thị

(\*) John Locke (1632-1704), nhà triết học Anh, người mở đầu chủ nghĩa kinh nghiệm trong tư tưởng phương Tây.

(\*\*) Emmanuel Kant (1724-1804), nhà triết học khởi đầu triết học cổ điển Đức, tác giả “phê phán lý trí thuần túy”, “phê phán lý trí thực tiễn”...

(\*\*\*) Friedrich Hegel (1770-1831), nhà triết học người Đức, người sáng lập phép biện chứng.

(\*\*\*\*) Montesquieu (1689-1755), nhà tư tưởng nổi tiếng người Pháp, tác giả “Những người Ba Tư”, “Tinh thần luật pháp”.

(\*\*\*\*\* ) Voltaire (1694-1778), nhà tư tưởng, nhà văn, nhà triết học nổi tiếng người Pháp.

(\*) Jean Jacques Rousseau (1712-1778), nhà triết học Khai sáng Pháp.

(\*\*) Alexander de Tocqueville (1805-1859), chính khách Pháp, nhà lý luận nổi tiếng, tác giả “về nền dân chủ ở Mỹ”.

trường. Chẳng hạn, tác giả Adam Smith<sup>(\*)</sup> cho rằng, thương mại nói chung và việc buôn bán giữa các công dân nói riêng đã không những tạo ra của cải, mà còn tạo ra cả những mối liên hệ vô hình giữa con người với con người - cội nguồn để tạo ra lòng tin- “vốn xã hội”- nói theo ngôn ngữ kinh tế, xã hội hiện đại.

Một số tác giả như John Locke, Alexander De Tocqueville ít chú ý đến mối quan hệ giữa XHDS với thị trường, mà chủ yếu chỉ quan tâm đến vấn đề XHDS được xem xét từ góc độ chính trị và dân chủ hoá.

Mặc dù các khái niệm XHDS có lịch sử phát triển lâu dài và phong phú, song chỉ vào khoảng 2 thập kỉ gần đây, nó mới trở thành trọng tâm chú ý trên các diễn đàn công luận quốc tế. Tuy nhiên, cũng có quan điểm e ngại về nguy cơ coi XHDS là “viên đạn ma thuật” đối với mọi vấn đề phát triển ở quốc gia hoặc toàn cầu. Ví dụ như quan điểm cho rằng, do vấn đề lập kế hoạch nhà nước và tự do thị trường được coi là thất bại, và đòi hỏi cần có “cái gì đó” mới mẻ hơn? và cho rằng, khâu quan trọng chính là XHDS đang bị “thiếu vắng”, song thực sự có phải như vậy không, vẫn còn là vấn đề cần tiếp tục tranh luận.

Tuy nhiên, có quan điểm cho rằng XHDS không nên chỉ giới hạn như là mọi biểu hiện đời sống xã hội bên ngoài hệ thống nhà nước và các quá trình kinh tế mà XHDS đề xuất các yêu cầu của mình thông qua việc tham gia các tổ chức xã hội chính trị (đảng phái và tổ chức xã hội, kinh tế bao gồm tổ chức sản

xuất và tái sản xuất, các hãng và đối tác, xã hội, văn hoá và truyền thông). Mục tiêu chính của XHDS là làm nổi bật các yêu cầu đối với nhà nước và thị trường, không trực tiếp gắn với giám sát hoặc chinh phạt quyền lực, mà nhằm tạo ra sự ảnh hưởng thông qua hoạt động liên kết, thảo luận dân chủ ở lĩnh vực công cộng.

Cho đến nay, ở châu Âu, có nhiều nghiên cứu về các văn bản bàn về khái niệm XHDS như một ý tưởng và khái niệm chính kể từ thời Khai sáng của Scotland đến cuộc cách mạng ở Đông Âu vào cuối những năm 1990. Các nguồn tư liệu lịch sử đặt ra nhiều câu hỏi và cũng có nhiều quan điểm lập luận mâu thuẫn hoặc tương phản. Ví dụ, những tranh luận bàn về các nguồn gốc của khái niệm XHDS, tìm hiểu các thuật ngữ được sử dụng đồng nghĩa hoặc tương đương với khái niệm XHDS, những thay đổi và truyền thống tác động đến việc sử dụng thuật ngữ này theo thời gian, những điểm mạnh và hạn chế khi sử dụng một thuật ngữ mang tính mâu thuẫn và dễ dàng gây tranh cãi này để phân tích xã hội, chính trị và văn hoá, v.v...

*Theo quan điểm xuất phát từ các chuyên ngành kinh tế-xã hội*, về khái niệm XHDS, có hai khía cạnh thường được chú ý. *Thứ nhất, về mặt thực nghiệm*, đó là khái niệm chỉ lĩnh vực xã hội. *Thứ hai, về mặt chuẩn mực*, khái niệm này được hiểu và ám chỉ “một loại liên kết để nâng cao phúc lợi con người”.

*Theo nghĩa hẹp*, khái niệm XHDS xác định và phân định rõ ranh giới, một bên là nhà nước, nền kinh tế, và bên kia là XHDS. Cách phân định này có phần

(\*) Adam Smith (1723-1790), nhà kinh tế học chính trị nổi tiếng người Scotland.

cứng nhắc, không phản ánh linh hoạt thực tiễn phát triển đa dạng.

*Theo nghĩa rộng*, khái niệm XHDS công nhận sự trùng lặp giữa lĩnh vực nhà nước, nền kinh tế và XHDS và nói rằng yêu cầu chuẩn mực để bao gồm cả các tổ chức có thể làm việc vì mục đích công, thích ứng với hoàn cảnh cụ thể, linh hoạt, song cũng dễ tạo ra “sự mù mờ”, khó hiểu, v.v...

Khái niệm XHDS được sử dụng theo nghĩa của dân chủ phương Tây kinh điển, do đó ở các nước Đông Âu, Mỹ Latinh hay các nước đang phát triển, tùy theo quan điểm có thể áp dụng nhiều định nghĩa với phạm vi (rộng hay hẹp), trong đó có thể loại bỏ khu vực kinh tế hay bao gộp cả nhà nước, hoặc ngược lại đưa khu vực kinh tế vào và thu hẹp các tác nhân nhà nước.

*Một số tiếp cận lí thuyết về khái niệm XHDS:*

Hiểu theo nghĩa đơn giản nhất, XHDS là lĩnh vực nơi mà mọi người cùng nhau tìm kiếm lợi ích, mà họ cho là cùng chia sẻ chung- song không phải về lợi nhuận hay quyền lực chính trị, mà do chủ yếu mọi người có quan tâm đặc biệt về vấn đề nào đó để dẫn tới các hành động tập thể. Đó là “Không gian hành động mà con người không bị ép buộc”; là “động cơ, qua đó mọi người tiến hành hành động như những nhân tố, chủ thể đạo đức”; là “mọi tổ chức và hiệp hội đứng trên cấp độ gia đình và thấp hơn cấp độ nhà nước”. Và sẽ chẳng có gì là bền vững, nếu nó không được bắt rễ nền móng từ cuộc sống đời thường hàng ngày của người dân. Đó chính là XHDS, nơi tạo ra chất liệu “keo dính”, trên cơ sở đó mọi sự việc được diễn ra. Tuy

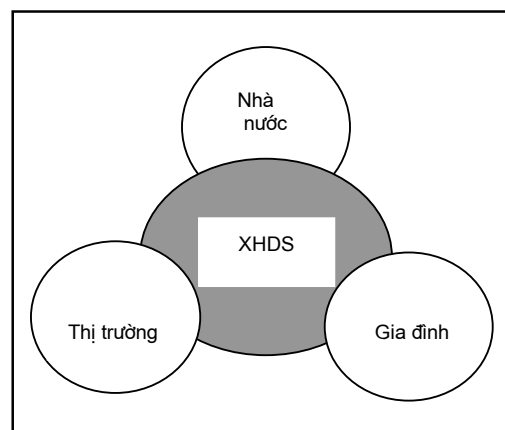
nhiên, vượt lên trên khái niệm đơn giản này, vẫn có nhiều bất đồng, tranh cãi diễn ra.

Thứ nhất, ở nghĩa chung nhất, XHDS thường được hiểu là khoảng không gian xã hội nằm giữa cá nhân, các nhóm huyết thống trực tiếp (gia đình) và chính quyền (nhà nước) (8).

XHDS hàm ý là không gian tương tác xã hội phi kinh tế và phi nhà nước, nhằm thể hiện các giá trị và các lợi ích của họ (7).

Tổ chức Civicus, năm 2005, định nghĩa XHDS là “Diễn đàn nằm trong khoảng không gian xã hội giữa gia đình, nhà nước và thị trường, nơi mọi con người bắt tay nhau để thúc đẩy quyền lợi chung”. Định nghĩa này nhằm mục tiêu mở rộng và bao quát hơn, bao gồm cả ba mặt: chính trị – xã hội – kinh tế, và tập trung vào các chức năng (chủ thể hành động) chứ không chỉ hình thức (cơ cấu).

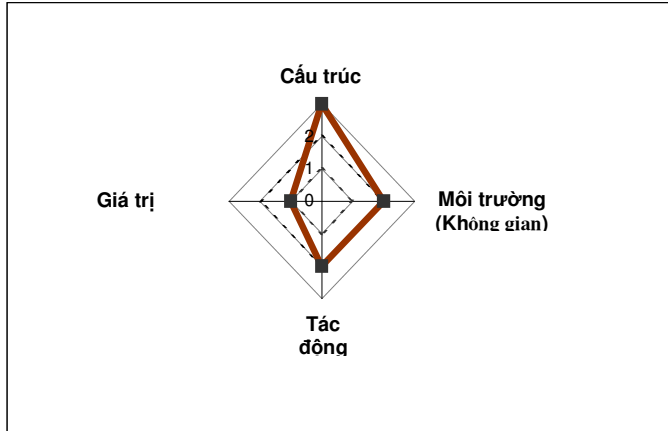
#### Mô hình XHDS



Tác giả Anheier (8) định nghĩa: “XHDS là lĩnh vực của các thiết chế, tổ chức, nhóm cá nhân nằm trong khoảng không gian ở giữa gia đình, nhà nước, thị trường, trong đó mọi người liên kết tự nguyện để thúc đẩy các lợi ích chung”,

qua đó, tác giả nêu cụ thể các chỉ báo, các chiều cạnh của “mô hình XHDS hình thoi”: 1. cấu trúc (cơ sở hạ tầng), 2. môi trường (không gian pháp lý, chính trị... – vấn đề quản trị), 3. giá trị (hệ thống giá trị), 4. tác động (ảnh hưởng).

**Mô hình “XHDS hình thoi”**



Về *cấu trúc*, đó là phạm vi của XHDS (các thể chế, tổ chức, mạng lưới và các cá nhân, các thành tố và nguồn lực để hoạt động). Về *các giá trị*: gồm các giá trị nền tảng của XHDS, các loại giá trị, chuẩn mực và thái độ mà XHDS đại diện và tuyên truyền (kể cả trong nội bộ tổ chức và mối quan hệ với bên ngoài như tính dân chủ, tinh thần khoan dung hoặc bảo vệ môi trường...) và các lĩnh vực có sự đồng thuận, nhất trí hoặc bất đồng giá trị, v.v... Về *không gian pháp lý/chính trị* gồm môi trường điều tiết xã hội vĩ mô, các loại luật lệ và chính sách, căn cứ vào đó XHDS tiến hành hoạt động, các đặc điểm thúc đẩy hoặc hạn chế phát triển XHDS ở quốc gia. Về *ảnh hưởng*: Chú ý xem xét những đóng góp hoặc hạn chế của XHDS trong giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị (như tác động chính sách nhà nước, quyền con người, thỏa mãn các nhu cầu xã hội v.v...). Theo sơ

đồ này, có thể đánh giá hiện trạng và tạo khởi điểm để diễn giải và thảo luận, phác thảo về sự hiện diện XHDS trong quốc gia hoặc so sánh với các quốc gia khác.

Nhìn chung, theo quan điểm các tiếp cận trên, XHDS có các thành tố chính gồm lĩnh vực nằm giữa cá nhân (gia đình) và nhà nước, nền kinh tế dựa trên tư hữu và thị trường và tập hợp các giá trị, chuẩn mực, bao gồm cả các khái niệm pháp lý về tự do và dân chủ. Có tác giả bao gộp các thể chế kinh tế vào XHDS. Tác giả khác lại tập trung chú ý đến các hình thức liên kết xã hội và xem xét các thể chế thị trường cũng như nhà nước tách biệt với XHDS.

Về *lịch sử*, XHDS là khái niệm liên quan đến lịch sử và triết học chính trị phương Tây (7). Trong nhiều thế kỉ qua, dưới lăng kính của nhiều ngành khoa học như lịch sử, triết học, chính trị, văn hoá... có nhiều phân tích bàn luận về khái niệm XHDS. Mỗi thời đại, chuyên ngành khoa học khác nhau đều có cách hiểu và nhìn nhận khác nhau về khái niệm, nội hàm, khía cạnh, bản chất của XHDS. Tuy nhiên, hầu hết các phân tích tập trung vào 3 khía cạnh chính của khái niệm: thứ nhất XHDS như một “*xã hội tốt đẹp, vì lợi ích chung*”, thứ hai XHDS như một “*đời sống hiệp hội, liên kết*”, và thứ ba XHDS như một “*lĩnh vực công cộng*”.

Về *các trường phái, lí luận tư tưởng XHDS*, tác giả M. Edward phân biệt *ba trường phái tư tưởng* chính bàn luận về XHDS (như trên đã đưa ra) gồm (9):

*Thứ nhất, XHDS được hiểu như một “xã hội tốt đẹp” (good society).* Theo thuật ngữ mang tính chuẩn mực, các quan điểm bàn luận về những mục tiêu, ý tưởng, quan điểm, tầm nhìn về một xã hội lí tưởng mà con người mong ước vươn tới. XHDS có thể tăng cường dân chủ và cải thiện phúc lợi của các cộng đồng nghèo khó, thông qua việc cải thiện quyền con người và chống lại những quan niệm, hành vi bất khoan dung, nạn bạo lực v.v... Sức mạnh của XHDS ở chỗ nó là phương tiện, qua đó hình thành và nuôi dưỡng các giá trị và kết quả xã hội như tính chất phi bạo lực, không phân biệt đối xử, dân chủ, tinh thần tương hỗ, công bằng xã hội và mục tiêu của nó - qua đó, các chính sách xã hội nan giải sẽ được giải quyết theo hướng công bằng, hiệu quả và dân chủ. Thông thường người ta coi XHDS là một điều “tốt đẹp”, song thực tế, có thể không hoàn toàn như vậy. Chẳng hạn, XHDS có thể có một số hạn chế, không nên quá đề cao, cụ thể, tồn tại một số nhóm có cơ cấu nội bộ thiếu dân chủ và minh bạch (ví dụ, nhóm nhà thờ, tôn giáo kiểu cực đoan...), gây sự căng thẳng hoặc đối đầu thái quá giữa đại diện được dân bầu và một bộ phận của XHDS; một số nhóm XHDS có khả năng và kinh nghiệm song không tạo cầu nối, đoàn kết mà có khuynh hướng duy trì đối đầu với xã hội gây áp lực hoặc ảnh hưởng đến nhà nước, đặc biệt ở các quốc gia đang chuyển đổi, dễ tạo ra các khủng hoảng, sự bất ổn xã hội v.v...

Nhìn chung, XHDS “tốt đẹp” phụ thuộc rất nhiều vào kết quả, mối quan hệ giữa chính phủ, các cơ quan lập pháp, khu vực doanh nghiệp và truyền thông trong xã hội.

*Thứ hai, XHDS như “đời sống hiệp hội” (associational life),* là “khoảng không gian” của các hoạt động có tổ chức, mà không phải do chính phủ hoặc doanh nghiệp vì lợi nhuận tham gia thực hiện, gồm hoạt động các hiệp hội (chính thức và không chính thức) như tổ chức tự nguyện cộng đồng, công đoàn, tổ chức tôn giáo, hợp tác xã, nhóm tương hỗ, các đảng chính trị, hội nghề nghiệp, hội kinh doanh, tổ chức thiện nguyện, các nhóm công dân phi chính thức và các phong trào xã hội (môi trường, hoà bình, v.v...).

Quan điểm này khẳng định tầm quan trọng của các hiệp hội đối với đời sống tập thể, nơi cho phép mọi người thể hiện “cái tôi”, tiềm năng, mong muốn của mình và của mọi người qua hành động tập thể. Việc tham gia thành viên các hiệp hội là tự nguyện, không ép buộc. Sự tự do hội họp sẽ thúc đẩy văn hoá tham dự dân sự, bắt nguồn và chịu ảnh hưởng ý tưởng của nhà xã hội học Pháp là Alexander De Tocqueville và nhà chính trị học Putnam về “vốn xã hội” – XHDS có đặc điểm của tổ chức xã hội như mạng lưới, chuẩn mực và niềm tin xã hội, thúc đẩy sự điều phối, hợp tác vì những lợi ích tương hỗ (5).

Quan điểm về “vốn xã hội”- một trong những công cụ mới nhất trong phân tích phát triển, trực tiếp gắn với sự tiến hoá của XHDS. Khái niệm này vốn không dễ dàng nắm bắt, song có thể nói, “vốn xã hội” là những tình cảm rất quan trọng như lòng tin giữa công dân với công dân, sự chia sẻ những giá trị chung về tình đoàn kết, ái hữu, thực hiện bốn phạm đối với nhau trong xã hội, thúc đẩy sự điều phối và hợp tác lẫn nhau.

Nghiên cứu đo lường “vốn xã hội” được tiếp cận đa ngành, từ nhiều góc độ như kinh tế học, chính trị học, xã hội học và nhân học, sử học, v.v..., trong đó, tập trung vào những giá trị văn hoá, thái độ, tạo ra tâm thế cho con người hợp tác, tin tưởng, hiểu biết và thấu cảm đối với nhau, giúp gắn kết xã hội thông qua thu hút công dân trở thành thành viên tham gia cộng đồng chung, chia sẻ các lợi ích, các giả định về các quan hệ xã hội và cảm nhận lợi ích chung. Một phần quan trọng của “vốn xã hội”, là lòng tin (Trust)- mối quan tâm cơ bản và là thành tố gắn kết trong phát triển xã hội, và điều kiện cơ bản để duy trì hoạt động kinh tế, và mong muốn hợp tác. Các thái độ, giá trị, lòng tin, tính tương hỗ là nền tảng cơ bản, quan trọng để ổn định chính trị xã hội và hợp tác.

Các tổ chức XHDS chính là nơi duy trì các kênh giao tiếp, tiếp xúc quan trọng giữa các công dân, tạo điều kiện tích lũy kỹ năng và phát triển nguồn “vốn xã hội”. Một số cấu trúc xã hội, thiết chế xã hội (truyền thống hoặc hiện đại) đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra “vốn xã hội”. Cội nguồn nuôi dưỡng “vốn xã hội” bắt nguồn từ gia đình (nền tảng quan trọng nhất), nơi làm việc, giáo dục và khu dân cư sinh sống.

Tính chất văn hoá - xã hội của “vốn xã hội” thể hiện, phụ thuộc vào bối cảnh, như tính đại diện, mức độ gắn kết cộng đồng, sự tham gia dân cư vào hoạt động của tổ chức v.v... Ngoài ra, “vốn xã hội” có mối quan hệ gắn kết với quản trị dân chủ. Ví dụ, có thể coi sự thiếu hụt hoặc hiện diện “vốn xã hội” là chỉ báo về kết quả hoạt động của chính quyền địa phương, lòng tin của dân cư đối với hoạt động chính quyền và gắn với nhiều chỉ

báo phát triển xã hội liên quan khác v.v...

*Thứ ba, XHDS như “khu vực công” (public area).* XHDS được hiểu như “một không gian” (vật thể và phi vật thể), trong đó các khác biệt xã hội, các vấn đề xã hội, chính sách công, hành động chính phủ, vấn đề cộng đồng, bản sắc văn hoá, v.v... được hình thành, tranh luận, thương lượng. Thông qua đó, tạo ra mối liên kết, hợp tác giữa các cá nhân và nhóm xã hội, chia sẻ tầm nhìn, định hướng chung về một xã hội “tốt đẹp”. Không gian công cộng có thể là không gian vật thể như trung tâm cộng đồng, phòng họp hoặc qua mạng xã hội, thế giới ảo (blog).

Ý tưởng về “khu vực công” gắn với tác giả J. Habermas. Theo quan điểm của Habermas (6), khu vực công là khu vực, trong đó những vấn đề có ý nghĩa công cộng, có thể được mọi cá nhân thảo luận từ góc độ năng lực cá nhân của họ, và về nguyên tắc, kết quả thảo luận được quyết định chỉ bằng chất lượng của các luận cứ mà thôi. Theo đó, cần tích cực tạo ra những điều kiện xã hội để có thể thúc đẩy hoặc tạo lập “một không gian” thu hút mọi người tham gia tương đối bình đẳng trong các thảo luận mang tính lý trí và quan trọng. Ở trong khu vực công, các nhóm cá nhân phi thể chế, phi chính thức, sẽ tìm kiếm cách thức tham gia, thể hiện và tranh luận mới (ví dụ, qua mạng xã hội, blog). Các hoạt động này có thể không nhằm bảo vệ XHDS đối lập với nhà nước hoặc nâng cao chất lượng dân chủ. Và như vậy, khu vực công sẽ tạo ra XHDS: nó không bị “nuốt chửng” bởi nhà nước, mà đáp ứng các vấn đề của nhà nước, vấn đề công cộng, trên cơ sở đó, có thể xây dựng và hoàn thiện các chính sách nhà nước.

Tóm lại, XHDS có thể được hiểu là mục tiêu để hướng tới (một “xã hội tốt đẹp”), là phương tiện để đạt mục đích (thông qua “đời sống hiệp hội”) và là khung khổ chung để mọi người cùng tham gia thống nhất về mục đích và phương tiện (“khu vực công”- lĩnh vực tranh luận)(8).

## II. Một số vấn đề về xây dựng xã hội dân sự ở Việt Nam

### 1. Về tên gọi XHDS ở Việt Nam

Ở châu Âu, tùy theo cách tiếp cận khác nhau mà nó được gọi bằng những tên gọi khác nhau như: XHDS, khu vực thứ ba, khu vực tự nguyện, khu vực phi lợi nhuận, nền kinh tế mang tính xã hội...

Còn ở Việt Nam, đã có một số thuật ngữ được sử dụng như "XHDS Việt Nam", "XHDS bản sắc Việt Nam", hoặc "XHDS định hướng XHCN ở Việt Nam"...

Nhưng dù được gọi bằng thuật ngữ gì đi chăng nữa, thì XHDS Việt Nam cần phải mang những đặc điểm chung vốn có của nó là:

1. Nó là "Lĩnh vực, là khoảng không gian, là diễn đàn giữa gia đình, Nhà nước và thị trường, trong đó các cá nhân liên kết tự nguyện (bắt tay nhau) để thúc đẩy quyền lợi chung" (8).

2. Mục tiêu của XHDS Việt Nam, nhằm hướng tới, nhằm xây dựng một xã hội tốt đẹp (9).

3. Thông qua phương tiện là "Đời sống hiệp hội" (9).

4. XHDS Việt Nam cần phải có môi trường là "Lĩnh vực công cộng" hoặc "Khu vực công cộng", hoặc "Một khoảng không gian vật thể và phi vật thể", hoặc "Diễn đàn"... (9). Thông qua diễn đàn,

khu vực công cộng đó, mọi con người cùng nhau tham gia bàn bạc, tranh luận, thương lượng, bình đẳng nhằm chia sẻ tầm nhìn, ra các quyết định kịp thời nhằm xây dựng một xã hội tốt đẹp...

5. XHDS Việt Nam được tiếp cận, đo đạc, đánh giá qua mô hình cấu trúc "XHDS hình thoi", bao gồm 4 chiều cạnh:

- Cấu trúc (cơ sở hạn tầng của tổ chức XHDS)

- Môi trường (không gian pháp lý, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, vấn đề quản trị...)

- Giá trị (dân sự, minh bạch, bình đẳng, khoan dung, phi bạo lực, bảo vệ con người, môi trường...)

- Tác động (đến Nhà nước, đến con người, đến các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội...)

6. Nguyên tắc (đặc điểm) của XHDS Việt Nam là: Tự nguyện, tự tổ chức, tự chủ, đa dạng, phi lợi nhuận, phi thương mại, phi bạo lực, hành động tính tập thể, đặc biệt phải có cơ sở pháp lý rõ ràng.

### 2. Định nghĩa về XHDS Việt Nam

Từ những phân tích trên, chúng tôi bước đầu đưa ra một số định nghĩa về XHDS Việt Nam như sau:

1. XHDS Việt Nam là các tổ chức xã hội nằm ngoài xã hội, nằm ngoài doanh nghiệp (thị trường), nằm ngoài gia đình, để liên kết người dân lại, hoạt động tự nguyện vì mục đích chung xây dựng một xã hội tốt đẹp.

2. XHDS Việt Nam là diễn đàn tập hợp các tổ chức và các nhóm XHDS nằm ngoài Nhà nước, thị trường, gia đình,

liên kết với nhau một cách tự nguyện, hoạt động dựa trên các nguyên tắc tự tổ chức, tự giải tán, phi lợi nhuận, phi thương mại, tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền tự chủ của mỗi thành viên, cùng nhau tham gia các công việc vì quyền lợi chung của xã hội và cá nhân, thúc đẩy sự phát triển nhằm xây dựng một xã hội tốt đẹp...

3. XHDS Việt Nam là xã hội bao gồm tổng thể các tổ chức xã hội của người dân, được hình thành một cách tự nguyện, tự trang trải kinh phí, hoạt động độc lập tương đối với Nhà nước, thị trường, gia đình, được gắn bó với nhau bằng trật tự pháp lý rõ ràng, nhằm mục tiêu thúc đẩy quyền lợi chung, xây dựng một xã hội tốt đẹp.

4. XHDS Việt Nam là diễn đàn của các tập thể, các phong trào xã hội, các tổ chức, các mạng lưới xã hội của người dân, hoạt động phi lợi nhuận, tự tổ chức, tự trang trải kinh phí, độc lập với thị trường, không phụ thuộc vào Nhà nước, gia đình, nhằm theo đuổi các mục tiêu chung của mọi người dân, xây dựng một xã hội tốt đẹp, trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... đảm bảo tôn trọng luật pháp Việt Nam.

5. XHDS Việt Nam là những tổ chức của người dân mang tính cộng đồng, được xây dựng trên nguyên tắc dân sự, tự nguyện, tự thỏa thuận, tự trang trải kinh phí, nó làm những việc Nhà nước không làm được, thị trường cũng không làm được, hoạt động trong khuôn khổ luật pháp quy định, nhằm mục tiêu thúc đẩy quyền lợi chung, xây dựng một xã hội tốt đẹp...

### 3. Đặc thù của XHDS Việt Nam

Ở châu Âu, khi nói đến XHDS, người ta đều thống nhất trong cách nhìn nhận về những đặc điểm của nó. Đó là: tự nguyện, tự tổ chức (tự giải tán), tự chủ, tự trang trải kinh phí hoạt động, phi lợi nhuận, phi thương mại, phi bạo lực, hành động mang tính tập thể, có trách nhiệm giải trình, cam kết minh bạch, mang tính dân sự và dân sự hóa, mục tiêu nhằm xây dựng một xã hội tốt đẹp, tạo ra các giá trị nền tảng vì xã hội, vì con người, nhân bản, nhân văn cao cả, bình đẳng, dân chủ, tự do, bác ái...

Còn ở Việt Nam, dù những đặc điểm của XHDS cũng như ở châu Âu, nhưng do Việt Nam mang những đặc thù riêng như: là nước đi theo con đường XHCN, do duy nhất một Đảng Cộng sản lãnh đạo,... vì vậy XHDS Việt Nam có những đặc điểm, đặc thù khác: Các tổ chức XHDS Việt Nam phải chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, và nhận được sự hỗ trợ to lớn của Nhà nước về kinh phí. Các tổ chức XHDS Việt Nam đặc biệt là các tổ chức chính trị - xã hội như mặt trận, công đoàn, phụ nữ, thanh niên, hội nông dân, hội cựu chiến binh... không đơn thuần là các phong trào tự nguyện, tập hợp các nhóm cư dân nhất định, mà là tổ chức rộng khắp theo các cấp hành chính từ trung ương đến cơ sở, phát triển, trưởng thành trong quá trình cách mạng của dân tộc.

Ví dụ, thành viên của Mặt trận tổ quốc Việt Nam bao gồm cả Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các tổ chức nghề nghiệp, các cá nhân tiêu biểu trong các dân tộc, tôn giáo, nhân sĩ và các tầng lớp xã hội khác.

Đội ngũ cán bộ của các tổ chức chính trị-xã hội khá đa dạng, phong

phú, vừa có cán bộ kiêm nhiệm, vừa có cán bộ chuyên trách, đội ngũ cán bộ chuyên trách được hưởng lương ngân sách Nhà nước, được xếp vào ngạch bậc công chức Nhà nước... Vì vậy Mặt trận tổ quốc Việt Nam là tổ chức tập hợp 44 tổ chức thành viên và nhiều cá nhân tiêu biểu, đại diện cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là lực lượng nòng cốt của các tổ chứcXHDS rộng rãi ở Việt Nam. Một mặt nó vừa chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng mặt khác, nó lại vừa là tổ chức có nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội đối với những hoạt động của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị Việt Nam. Nó tập hợp các ý kiến của quần chúng nhân dân để phản ánh, phản biện, kiến nghị với Đảng Cộng sản và Nhà nước. Các ý kiến đóng góp xây dựng với Đảng Cộng sản, Nhà nước trên tinh thần đồng thuận với đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Nhiều khi, các tổ chứcXHDS Việt Nam bị động, chịu sự chi phối quá lớn, tỏ ra thụ động, dẫn đến mắc các căn bệnh "Nhà nước hóa", "Hành chính hóa"...

#### *4. Những hạn chế của các tổ chứcXHDS ở Việt Nam*

1. Như phân tích ở trên, hạn chế của các tổ chứcXHDS ở Việt Nam, trước hết bắt nguồn từ cơ cấu tổ chức của cácXHDS không rõ ràng. Không giống các tổ chứcXHDS ở châu Âu, nếu xét từ định nghĩa, khái niệm, các tổ chứcXHDS Việt Nam phụ thuộc vào sự lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước; được kinh phí của Nhà nước cấp, thậm chí được Đảng, Nhà nước coi như là một đơn vị hành chính có biên chế, xếp ngạch bậc công chức... Vì thế chức năng của các tổ chứcXHDS không rõ ràng, nhiệm vụ cũng không rõ ràng, vì các tổ chức

XHDS Việt Nam vừa chịu sự lãnh đạo, quản lý của Đảng, của Nhà nước, vừa có nhiệm vụ giám sát, phản biện vai trò của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình hoạt động, do định nghĩa, khái niệm, chức năng, nhiệm vụ không rõ ràng, nênXHDS Việt Nam hoạt động rất thụ động, không có hiệu quả. Mặt khác cơ sở pháp lý, mà cụ thể là luật về Hội, Hiệp hội chưa được ban hành, nên sự hoạt động không có sự đảm bảo bằng pháp luật.

2. Vì chức năng, nhiệm vụ, cơ sở pháp lý không rõ ràng, cho nên các tổ chứcXHDS ở Việt Nam đã hoạt động thụ động, là "cánh tay nối dài của Nhà nước", vì thế mà nó không chủ động trong chức năng, nhiệm vụ giám sát, phản biện vai trò lãnh đạo, hoạt động của Đảng và Nhà nước. Những ví dụ cụ thể như: Không có vai trò trong công tác phòng chống tham nhũng, ít có tiếng nói trong các vụ việc nổi cộm của đất nước như vụ hủy hoại môi trường của Nhà máy Vedan trên sông Thị Vải (Đồng Nai); Vụ xây dựng khách sạn ở Công viên Thống Nhất (Hà Nội); Vụ xây dựng siêu thị chợ 19-12 (Chợ Âm Phủ) ở Hà Nội;...

3. Một số tổ chứcXHDS ở Việt Nam lợi dụng danh nghĩa là tổ chức phi Nhà nước, đã thực hiện những ý đồ thu lợi cho cá nhân, cho các nhóm lợi ích riêng, móc tiền từ kinh phí của Nhà nước, từ các tổ chức quốc tế nhằm phục vụ vì mục tiêu lợi nhuận riêng, không vì mục tiêu chung của xã hội.

4. Đặc biệt có một số tổ chứcXHDS đã câu kết với những phần tử phản động quốc tế, âm mưu chống đối lại đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước Việt Nam, đi ngược

lại lợi ích chung của cộng đồng, dân tộc. Họ đã tuyên truyền, kêu gọi kích động dân chủ, hoặc tổ chức các hoạt động chống đối lại chủ trương, chính sách của Nhà nước như vụ đòi đất của giáo xứ Nhà Chung, Thái Hà (Hà Nội); Vụ đòi thành lập các tổ chức dân chủ tự do; Vụ Nguyễn Văn Đài, Nguyễn Thị Công Nhân...

#### 5. Mô hình xã hội dân sự Việt Nam là gì?

Trước hết, cần khẳng định rằng các tổ chức XHDS ở châu Âu được hình thành và phát triển trong bối cảnh không giống với Việt Nam, vì vậy mô hình XHDS Việt Nam cũng mang những nét đặc thù riêng của mình.

1. XHDS Việt Nam phải là một "Xã hội tốt đẹp", là "Đời sống hiệp hội", là "Khu vực công cộng". Nó là khoảng không gian xã hội nằm giữa Nhà nước, thị trường, gia đình, nơi tất cả các thành viên trong xã hội tự nguyện cùng nắm tay nhau xây dựng, thúc đẩy quyền lợi chung cho xã hội, trong đó có quyền lợi của từng cá nhân.

2. XHDS Việt Nam hoạt động tuân theo hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, đồng thuận, đối trọng, giám sát, phản biện, chứ không chống đối, đối lập với Nhà nước, vì mục tiêu xây dựng "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Vì vậy, trong tam giác phát triển: Nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường và XHDS, chúng ta phải khuyến khích phát triển cả 3 mặt một cách biện chứng, bền vững, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý với hội nhập, mở cửa, xây dựng kinh tế thị trường, với truyền thống dân chủ Việt Nam (XHDS Việt Nam). Phát

huy truyền thống dân chủ, công khai, minh bạch, tính chủ động của XHDS Việt Nam.

3. Tạo mọi điều kiện phát triển XHDS Việt Nam, cho phép XHDS Việt Nam chủ động trong các chức năng, nhiệm vụ của nó, nhằm tạo ra các nguồn lực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, đạo đức vừa để kiểm soát quyền lực Nhà nước vừa phát huy sức mạnh hiệu quả của Nhà nước, trong khuôn khổ quy định của pháp luật Việt Nam. Trước hết, cơ sở pháp lý của XHDS Việt Nam phải rõ ràng, có bộ luật về Hội, Hiệp hội...

4. Một mặt tìm tòi mô hình phát triển của XHDS Việt Nam, mặt khác cần học hỏi những kinh nghiệm phát triển bền vững của XHDS trên thế giới, đặc biệt là mô hình XHDS ở các nước Bắc Âu, trong đó có mô hình XHDS Thụy Điển. Trong lịch sử khoảng 100 năm qua, các tổ chức XHDS Thụy Điển có điểm độc đáo là thông qua quan điểm của Chính phủ, XHDS được xem như các trường học cho dân chủ và quyền công dân, như công cụ để huy động chính trị và được duy trì để chia sẻ trách nhiệm về phát triển, thực hiện các chính sách lao động cùng với Nhà nước. Nhà nước Thụy Điển có quan hệ đồng thuận, gắn bó rất chặt chẽ với các tổ chức XHDS. Hiện nay, Nhà nước đã gia tăng công nhận vai trò chính trị, xã hội của XHDS, đặc biệt là về vai trò vận động (thúc đẩy các lợi ích thành viên, vận động hành lang, tuyên truyền, tạo dựng hệ tư tưởng và đóng góp vào cung cấp các dịch vụ, phúc lợi...). Cả hai Đảng cánh tả, cánh hữu ở Thụy Điển đều coi các tổ chức XHDS (khu vực thứ ba) là giải pháp thay thế hợp pháp đối với cung cấp dịch vụ công và tư, củng cố các

công việc tình nguyện. Mô hình này rất phù hợp với chúng ta, đặc biệt vừa giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, vừa phát huy mạnh mẽ sự phát triển củaXHDS.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đinh Công Tuấn. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xã hội dân sự (XHDS) ở Liên minh châu Âu (EU). Đề tài cấp Bộ năm 2008, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
- L. Diamond. Toward Democracies Consolidations. *Journal of democracy*, Vol 4, N3, 1994.
- Dự án CIVICUS CSI-SAT. Đánh giá ban đầu về xã hội dân sự tại Việt Nam. H.: 2006.
- Thomat Meyer và Nicole Breyer. The Future of Social democracy Friedrich Ebbert Stiftung. Germany: 2007.
- D.R . Putnam. Democracies in Flux. Evolution of Social Capital. Oxford Univer Press: 2002.
- K. H. Anheir và L. Carlson, et all. Global civil society: Dimensions of non -profits sector. Baltimore: 1999.
- K. H. Anheir, Glasius Marlie, Kaldor Mary. Global civil society. Oxford: Oxford University Press, 2001.
- K. H. Anheir và L. Carlson, et all. Global civil society: Dimensions of non profits sector. Baltimore: Vol 2, 2004.
- M. Edwards. Nailing the jelly to the wall: Edwards associates. London: 1998.
- Đỗ Văn Quân. Vai trò của phản biện xã hội ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 2/2009.
- Thang Văn Phúc, Nguyễn Minh Phương (đồng chủ biên). Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta hiện nay. H.: Chính trị Quốc gia, 2007.